BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2019-2020

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014
Mã lớp học phần: MH110901401 **Số tín chỉ: 4**
Giảng viên giảng dạy: Trần Duy Lâm - (07024)
Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____
Giám thị 2:_____ Ký tên:_____
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910100071	Nguyễn Thị Kim	**Anh**	21/02/1999		7.5	bảy rưỡi	C21QT2	
2	1910100043	Vũ Thị Kim	**Ánh**	08/03/2001		7.5	bảy rưỡi	C21QT2	
3	1910100024	Bùi Thị Bích	**Châu**	07/08/2000		6,5	Sáu rưỡi	C21QT1	
4	1910100022	Nguyễn Quách Minh	**Châu**	04/09/2001		10	mười	C21QT1	
5	1910100009	Trà Thái	**Châu**	24/11/2001		7,5	bảy rưỡi	C21QT1	
6	1910100023	Trịnh Đặng Minh	**Châu**	17/09/2000		8,5	tám rưỡi	C21QT1	
7	1910100065	Trần Thị Trúc	**Đào**	19/10/2001		8,5	tám rưỡi	C21QT2	
8	1910100072	Ngô Gia	**Hân**	11/12/1997		7	bảy	C21QT2	
9	1910100047	Trương Phúc	**Hậu**	13/03/2001		7,5	bảy rưỡi	C21QT2	
10	1910100037	Phan Thị Phương	**Huỳnh**	23/08/2000		9,0	chín	C21QT1	
11	1910100017	Nguyễn Dịu Quỳnh	**Hương**	24/10/2000		7	bảy	C21QT1	
12	1910100056	Đào Đăng	**Khoa**	10/11/2001		8	Tám	C21QT2	
13	1910100073	Nguyễn Lâm Tấn	**Kiệt**	10/05/2001		7	bảy	C21QT2	
14	1910100070	Phan Thị Mỹ	**Lệ**	02/11/1999		8	Tám	C21QT2	
15	1910100008	Nguyễn Thị Mỹ	**Linh**	22/04/1997		8	Tám	C21QT1	
16	1910100060	Tô Thùy	**Linh**	25/04/2001		7,5	bảy rưỡi	C21QT2	
17	1910100030	Nguyễn Thành	**Luận**	19/08/2001				C21QT1	
18	1910100053	Huỳnh Thị	**Mai**	02/12/2000		8	tám	C21QT2	
19	1910100045	Huỳnh Tiểu	**Mẫn**	05/08/2001		8	tám	C21QT2	
20	1910100040	Đào Hồng	**Minh**	25/11/2001		8.5	tám rưỡi	C21QT1	
21	1910100029	Nguyễn Huỳnh Trúc	**My**	02/01/2001		9	Chín	C21QT1	
22	1910100005	Trần Nguyễn Quốc	**Nam**	13/03/2001		7	Bảy	C21QT1	
23	1910100012	Trần Thị Thúy	**Ngân**	22/10/2001		8,5	Tám rưỡi	C21QT1	
24	1910100074	Võ Hà Mỹ	**Nguyên**	20/10/1996		10	Mười	C21QT1	
25	1910100025	Nguyễn Thị Ngọc	**Nhi**	15/04/2001		8,5	Tám rưỡi	C21QT1	
26	1910100055	Trần Huỳnh	**Như**	08/10/2001		9,5	Chín rưỡi	C21QT2	
27	1910100069	Phùng Văn	**Phúc**	29/10/1997		6,0	Sáu rưỡi	C21QT2	
28	1910100058	Nguyễn Phi	**Phụng**	03/05/2000		6,0	Sáu	C21QT2	
29	1910100036	Nguyễn Phạm Huỳnh	**Phương**	29/06/2001		7,0	Bảy	C21QT1	
30	1910100061	Nguyễn Thị Minh	**Phương**	31/01/2001		9,0	chín	C21QT2	
31	1910100042	Vũ Thị	**Quỳnh**	10/10/2001		8,5	Tám rưỡi	C21QT2	
32	1910100057	Phan Tấn	**Sang**	16/11/2001				C21QT2	
33	1910100050	Nguyễn Hồng	**Sơn**	07/12/1997		8,5	Tám rưỡi	C21QT2	
34	1910100038	Nguyễn Phúc Minh	**Tâm**	06/03/2000		6.0	Sáu.	C21QT1	

Ngày in: 09:58 12/05/2020

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	1910100068	Võ Huỳnh Quốc	**Tân**	21/10/2001	Tân	6	Sáu	C21QT2	
36	1910100018	Nguyễn Thị Thanh	**Thơ**	24/12/2001		8	tám	C21QT1	
37	1910100051	Nguyễn Hoàng Anh	**Thư**	13/09/2001	Thư	7,5	bảy năm	C21QT2	
38	1910100067	Nguyễn Hữu	**Thực**	26/02/2000	Thực	6	Sáu	C21QT2	
39	1910100035	Đinh Thị Cẩm	**Tiên**	28/04/2001	Cẩm	8	tám	C21QT1	
40	1910100028	Nguyễn Hải	**Tiến**	27/05/2000				C21QT1	
41	1910100041	Lê Thị Yến	**Trinh**	19/05/2001		8	tám	C21QT2	
42	1910100032	Phạm Thanh	**Trí**	05/01/2001		6	Sáu	C21QT1	
43	1910100001	Nguyễn Việt	**Trung**	12/11/1999		7	bảy	C21QT1	
44	1910100034	Nguyễn Thị Cẩm	**Tú**	02/07/2001	Cẩm Tú	7,5	bảy năm	C21QT1	
45	1910100046	Võ Dương	**Tỷ**	07/07/2001	Tỷ	8,5	Tám năm	C21QT2	
46	1910100044	Nguyễn Thị Khánh	**Vi**	02/04/2001	Vi	8	Tám	C21QT2	
47	1910100063	Nguyễn Hoàng	**Vũ**	24/08/2001		7,5	bảy năm	C21QT2	
48	1910100002	Lưu Quốc	**Vương**	04/04/1999		7	bảy	C21QT1	
49	1910100033	Nguyễn Thị Tỳ	**Vy**	09/08/2001		10	Mười	C21QT1	
50	1910100015	Võ Nhật Ái	**Vy**	04/04/2001	Vy	8	Tám	C21QT1	
51	1910100039	Lê Thị Bảo	**Xuyên**	24/03/2001		8	Tám	C21QT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi :_____ **vắng thi:** _____**. Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

TRƯỜNG KHẢ

Ngày 10 tháng 6 năm 2020

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 10 tháng 6 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Liên

Ngày in: 09:58 12/05/2020

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2019-2020

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014
Mã lớp học phần: MH110901401 **Số tín chỉ: 4**
Giảng viên giảng dạy: Trần Duy Lâm - (07024)
Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____
Giám thị 2:_____ Ký tên:_____
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910100031	Trần Thị Trúc	**Hương**	17/10/2000		8,5	tám chấm năm	C21QT1	
2	1910010031	Nguyễn Thành	**Lộc**	11/02/2001		6	Sáu	C21QT2	
3	1910100061	Nguyễn Thị Minh	**Phương**	31/01/2001				C21QT2	
4	1910100075	Nguyễn Văn Thanh	**Vũ**	30/11/1999		6	Sáu	C21QT2	
5	1910100002	Lưu Quốc	**Vương**	04/04/1999				C21QT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi :_____ **vắng thi:** _____**. Số bài thi:**_____/_____.
Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày.10.tháng.6...năm...2020
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày..10.tháng.6...năm..2020
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Duy Lâm

Ngày in: 08:51 20/05/2020

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2019-2020

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014

Mã lớp học phần: MH110901401 **Số tín chỉ: 4**

Giảng viên giảng dạy: Trần Duy Lâm - (07024)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910100071	Nguyễn Thị Kim	**Anh**	21/02/1999		8.5	tám rưỡi	C21QT2	
2	1910100043	Vũ Thị Kim	**Ánh**	08/03/2001		7	bảy	C21QT2	
3	1910100024	Bùi Thị Bích	**Châu**	07/08/2000		6.	Sáu	C21QT1	
4	1910100022	Nguyễn Quách Minh	**Châu**	04/09/2001		7.5	bảy rưỡi	C21QT1	
5	1910100009	Trà Thái	**Châu**	24/11/2001		6	Sáu	C21QT1	
6	1910100023	Trịnh Đặng Minh	**Châu**	17/09/2000		6	Sáu	C21QT1	
7	1910100065	Trần Thị Trúc	**Đào**	19/10/2001		8	tám	C21QT2	
8	1910100072	Ngô Gia	**Hân**	11/12/1997		7	bảy	C21QT2	
9	1910100047	Trương Phúc	**Hậu**	13/03/2001		6,5	Sáu rưỡi	C21QT2	
10	1910100037	Phan Thị Phương	**Huỳnh**	23/08/2000		5,0	năm	C21QT1	
11	1910100017	Nguyễn Dịu Quỳnh	**Hương**	24/10/2000		7	bảy	C21QT1	
12	1910100056	Đào Đăng	**Khoa**	10/11/2001		6	Sáu	C21QT2	
13	1910100073	Nguyễn Lâm Tấn	**Kiệt**	10/05/2001		5	năm	C21QT2	
14	1910100070	Phan Thị Mỹ	**Lệ**	02/11/1999		7	bảy	C21QT2	
15	1910100008	Nguyễn Thị Mỹ	**Linh**	22/04/1997		6	Sáu	C21QT1	
16	1910100060	Tô Thùy	**Linh**	25/04/2001	Linh	7	bảy	C21QT2	
17	1910100030	Nguyễn Thành	**Luận**	19/08/2001				C21QT1	
18	1910100053	Huỳnh Thị	**Mai**	02/12/2000		5	năm	C21QT2	
19	1910100045	Huỳnh Tiểu	**Mẫn**	05/08/2001	Mẫn	7	bảy	C21QT2	
20	1910100040	Đào Hồng	**Minh**	25/11/2001	Minh	5.5	Năm rưỡi	C21QT1	
21	1910100029	Nguyễn Huỳnh Trúc	**My**	02/01/2001	MY	7,5	Bảy rưỡi.	C21QT1	
22	1910100005	Trần Nguyễn Quốc	**Nam**	13/03/2001	Nam	5	Năm	C21QT1	
23	1910100012	Trần Thị Thúy	**Ngân**	22/10/2001	Ngân	5,5	Năm rưỡi.	C21QT1	
24	1910100074	Võ Hà Mỹ	**Nguyên**	20/10/1996		8	Tám	C21QT1	
25	1910100025	Nguyễn Thị Ngọc	**Nhi**	15/04/2001		6	Sáu	C21QT1	
26	1910100055	Trần Huỳnh	**Như**	08/10/2001		6	Sáu	C21QT2	
27	1910100069	Phùng Văn	**Phúc**	29/10/1997		8,5	Tám rưỡi	C21QT2	
28	1910100058	Nguyễn Phi	**Phụng**	03/05/2000		5	Năm	C21QT2	
29	1910100036	Nguyễn Phạm Huỳnh	**Phương**	29/06/2001		5	năm	C21QT1	
30	1910100061	Nguyễn Thị Minh	**Phương**	31/01/2001		5	năm	C21QT2	
31	1910100042	Vũ Thị	**Quỳnh**	10/10/2001		6,5	Sáu rưỡi	C21QT2	
32	1910100057	Phan Tấn	**Sang**	16/11/2001				C21QT2	
33	1910100050	Nguyễn Hồng	**Sơn**	07/12/1997		6	Sáu	C21QT2	
34	1910100038	Nguyễn Phúc Minh	**Tâm**	06/03/2000		5	Năm	C21QT1	

Ngày in: 09:59 12/05/2020

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	1910100068	Võ Huỳnh Quốc	**Tân**	21/10/2001		5	năm	C21QT2	
36	1910100018	Nguyễn Thị Thanh	**Thơ**	24/12/2001		5,5	năm rưỡi	C21QT1	
37	1910100051	Nguyễn Hoàng Anh	**Thư**	13/09/2001		5	năm	C21QT2	
38	1910100067	Nguyễn Hữu	**Thực**	26/02/2000		4,5	bốn rưỡi	C21QT2	
39	1910100035	Đinh Thị Cẩm	**Tiên**	28/04/2001		7	bảy	C21QT1	
40	1910100028	Nguyễn Hải	**Tiến**	27/05/2000				C21QT1	
41	1910100041	Lê Thị Yến	**Trinh**	19/05/2001		7.5	bảy rưỡi	C21QT2	
42	1910100032	Phạm Thanh	**Trí**	05/01/2001		5	Năm	C21QT1	
43	1910100001	Nguyễn Việt	**Trung**	12/11/1999		5	Năm	C21QT1	
44	1910100034	Nguyễn Thị Cẩm	**Tú**	02/07/2001		7	bảy	C21QT1	
45	1910100046	Võ Dương	**Tỷ**	07/07/2001		6	Sáu	C21QT2	
46	1910100044	Nguyễn Thị Khánh	**Vi**	02/04/2001		7	bảy	C21QT2	
47	1910100063	Nguyễn Hoàng	**Vũ**	24/08/2001		5	năm	C21QT2	
48	1910100002	Lưu Quốc	**Vương**	04/04/1999		5	năm	C21QT1	
49	1910100033	Nguyễn Thị Tỷ	**Vy**	09/08/2001		8	Tám	C21QT1	
50	1910100015	Võ Nhật Ái	**Vy**	04/04/2001		6	Sáu	C21QT1	
51	1910100039	Lê Thị Bảo	**Xuyên**	24/03/2001		6	Sau	C21QT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi:_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:____,____%**

TRƯỜNG KHẢ

Ngày 10 tháng 6 năm 2020

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 10 tháng 6 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Duy Lâm.

Ngày in: 09:59 12/05/2020

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2019-2020

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014
Mã lớp học phần: MH110901401 **Số tín chỉ: 4**
Giảng viên giảng dạy: Trần Duy Lâm - (07024)
Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____
Giám thị 2:_____ Ký tên:_____
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910100031	Trần Thị Trúc	**Hương**	17/10/2000		4,5	Bốn chấm năm	C21QT1	
2	1910010031	Nguyễn Thành	**Lộc**	11/02/2001		4,5	Bốn Phẩy năm	C21QT2	
3	1910100061	Nguyễn Thị Minh	**Phương**	31/01/2001				C21QT2	
4	1910100075	Nguyễn Văn Thanh	**Vũ**	30/11/1999		5	Năm	C21QT2	
5	1910100002	Lưu Quốc	**Vương**	04/04/1999				C21QT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi :_____ **vắng thi:** _____**. Số bài thi:**_____/_____.
Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày 10 tháng 6 năm 2020
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 10 tháng 6 năm 2020
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Duy Lâm

Ngày in: 08:51 20/05/2020

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: HKII (2019 - 2020)

Môn học: Giáo dục chính trị
Mã bài thi: 4OLW4L
Thời gian thi: 10/06/2020 07:45:00
Thời gian kết thúc: 10/06/2020 08:45:00

Giám thị 1: Phan Thị Tường Ký tên:
Giám thị 2: Phạm Thị Hạnh Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910100029	Nguyễn Huỳnh Trúc My	02/01/2001		7.2	Bảy, hai	C21QT1	
2	1910100005	Trần Nguyễn Quốc Nam	13/03/2001	Nam	8.8	Tám, tám	C21QT1	
3	1910100012	Trần Thị Thúy Ngân	22/10/2001		7.6	Bảy, sáu	C21QT1	
4	1910100074	Võ Hà Mỹ Nguyên	20/10/1996		8.4	Tám, bốn	C21QT2	
5	1910100025	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	15/04/2001		7.2	Bảy, hai	C21QT1	
6	1910100055	Trần Huỳnh Như	08/10/2001		8.8	Tám, tám	C21QT2	
7	1910100069	Phùng Văn Phúc	29/10/1997		7.4	Bảy, bốn	C21QT2	
8	1910100058	Nguyễn Phi Phụng	03/05/2000		6.4	Sáu, bốn	C21QT2	
9	1910100061	Nguyễn Thị Minh Phương	31/01/2001		8	Tám	C21QT2	
10	1910100036	Nguyễn Phạm Huỳnh Phương	29/06/2001		4.8	Bốn, tám	C21QT1	
11	1910100042	Vũ Thị Quỳnh	10/10/2001		6.8	Sáu, tám	C21QT2	
~~12~~	~~1910100057~~	~~Phan Tấn Sang~~	~~16/11/2001~~				~~C21QT2~~	
13	1910100050	Nguyễn Hồng Sơn	07/12/1997		6.4	Sáu, bốn	C21QT2	
14	1910100038	Nguyễn Phúc Minh Tâm	06/03/2000		5.4	Năm, bốn	C21QT1	
15	1910100068	Võ Huỳnh Quốc Tân	21/10/2001		6.2	Sáu, hai	C21QT2	
16	1910100018	Nguyễn Thị Thanh Thơ	24/12/2001		8.4	Tám, bốn	C21QT1	
17	1910100051	Nguyễn Hoàng Anh Thư	13/09/2001		8.8	Tám, tám	C21QT2	
18	1910100067	Nguyễn Hữu Thực	26/02/2000		5.4	Năm, bốn	C21QT2	
19	1910100035	Đinh Thị Cẩm Tiên	28/04/2001		8.2	Tám, hai	C21QT1	
20	1910100032	Phạm Thanh Trí	05/01/2001		6	Sáu	C21QT1	
21	1910100041	Lê Thị Yến Trinh	19/05/2001		8	Tám	C21QT2	
22	1910100001	Nguyễn Việt Trung	12/11/1999		7.4	Bảy, bốn	C21QT1	
23	1910100034	Nguyễn Thị Cẩm Tú	02/07/2001		7.4	Bảy, bốn	C21QT1	
24	1910100046	Võ Dương Tỷ	07/07/2001		7.4	Bảy, bốn	C21QT2	
25	1910100044	Nguyễn Thị Khánh Vi	02/04/2001		7.8	Bảy, tám	C21QT2	
26	1910100063	Nguyễn Hoàng Vũ	24/08/2001		5.8	Năm, tám	C21QT2	
27	1910100075	Nguyễn Văn Thanh Vũ	30/11/1999		7.4	Bảy, bốn	C21QT2	
28	1910100002	Lưu Quốc Vương	04/04/1999		8.2	Tám, hai	C21QT1	
29	1910100015	Võ Nhật Ái Vy	04/04/2001		7.6	Bảy, sáu	C21QT1	
30	1910100033	Nguyễn Thị Tỷ Vy	09/08/2001		8.4	Tám, bốn	C21QT1	
31	1910100039	Lê Thị Bảo Xuyên	24/03/2001		8	Tám	C21QT1	

Số sinh viên dự thi: 31 **Số sinh viên đạt: 30**

Ngày 10 tháng 6 năm 2020
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 10 tháng 6 năm 2020
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Duy Lâm

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2019-2020

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014
Mã lớp học phần: MH110901401 **Số tín chỉ: 4**
Giảng viên giảng dạy: Trần Duy Lâm
Ngày thi: 10/06/2020 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 1**

Giám thị 1: Phan T Tường Ký tên:
Giám thị 2: Phạm Q Long Ký tên:
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910100029	Nguyễn Huỳnh Trúc	**My**	02/01/2001					C21QT1	
2	1910100005	Trần Nguyễn Quốc	**Nam**	13/03/2001	Nam				C21QT1	
3	1910100012	Trần Thị Thúy	**Ngân**	22/10/2001					C21QT1	
4	1910100074	Võ Hà Mỹ	**Nguyên**	20/10/1996					C21QT1	
5	1910100025	Nguyễn Thị Ngọc	**Nhi**	15/04/2001					C21QT1	
6	1910100055	Trần Huỳnh	**Như**	08/10/2001					C21QT2	
7	1910100069	Phùng Văn	**Phúc**	29/10/1997					C21QT2	
8	1910100058	Nguyễn Phi	**Phụng**	03/05/2000					C21QT2	
9	1910100036	Nguyễn Phạm Huỳnh	**Phương**	29/06/2001					C21QT1	
10	1910100061	Nguyễn Thị Minh	**Phương**	31/01/2001					C21QT2	
11	1910100042	Vũ Thị	**Quỳnh**	10/10/2001					C21QT2	
12	1910100050	Nguyễn Hồng	**Sơn**	07/12/1997					C21QT2	
13	1910100038	Nguyễn Phúc Minh	**Tâm**	06/03/2000					C21QT1	
14	1910100068	Võ Huỳnh Quốc	**Tân**	21/10/2001					C21QT2	
15	1910100018	Nguyễn Thị Thanh	**Thơ**	24/12/2001					C21QT1	
16	1910100051	Nguyễn Hoàng Anh	**Thư**	13/09/2001					C21QT2	
17	1910100067	Nguyễn Hữu	**Thực**	26/02/2000					C21QT2	
18	1910100035	Đinh Thị Cẩm	**Tiên**	28/04/2001					C21QT1	
19	1910100041	Lê Thị Yến	**Trinh**	19/05/2001					C21QT2	
20	1910100032	Phạm Thanh	**Trí**	05/01/2001					C21QT1	
21	1910100001	Nguyễn Việt	**Trung**	12/11/1999					C21QT1	
22	1910100034	Nguyễn Thị Cẩm	**Tú**	02/07/2001					C21QT1	
23	1910100046	Võ Dương	**Tỷ**	07/07/2001					C21QT2	
24	1910100044	Nguyễn Thị Khánh	**Vi**	02/04/2001					C21QT2	
25	1910100063	Nguyễn Hoàng	**Vũ**	24/08/2001					C21QT2	
26	1910100075	Nguyễn Văn Thanh	**Vũ**	30/11/1999					C21QT2	
27	1910100002	Lưu Quốc	**Vương**	04/04/1999					C21QT1	
28	1910100033	Nguyễn Thị Tỷ	**Vy**	09/08/2001					C21QT1	
29	1910100015	Võ Nhật Ái	**Vy**	04/04/2001					C21QT1	
30	1910100039	Lê Thị Bảo	**Xuyên**	24/03/2001					C21QT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 30 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 30 /_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____**%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày. 10 *tháng* 6 *năm* 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Duy Lâm

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: HKII (2019 - 2020)

Môn học: Giáo dục chính trị
Mã bài thi: E0ES0V
Thời gian thi: 10/06/2020 07:45:00
Thời gian kết thúc: 10/06/2020 08:45:00

Giám thị 1: Ng Tiến Dũng Ký tên:
Giám thị 2: _____ Ký tên: _____
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910100071	Nguyễn Thị Kim Anh	21/02/1999		7.8	Bảy, tám	C21QT2	
2	1910100043	Vũ Thị Kim Ánh	08/03/2001		8.6	Tám, sáu	C21QT2	
3	1910100009	Trà Thái Châu	24/11/2001		8	Tám	C21QT1	
4	1910100022	Nguyễn Quách Minh Châu	04/09/2001		7.6	Bảy, sáu	C21QT1	
5	1910100023	Trịnh Đặng Minh Châu	17/09/2000		6.8	Sáu, tám	C21QT1	
6	1910100024	Bùi Thị Bích Châu	07/08/2000		5.8	Năm, tám	C21QT1	
7	1910100065	Trần Thị Trúc Đào	19/10/2001		7.2	Bảy, hai	C21QT2	
8	1910100072	Ngô Gia Hân	11/12/1997		6.8	Sáu, tám	C21QT2	
9	1910100047	Trương Phúc Hậu	13/03/2001		8	Tám	C21QT2	
10	1910100031	Trần Thị Trúc Hương	17/10/2000		6.6	Sáu, sáu	C21QT1	
11	1910100017	Nguyễn Dịu Quỳnh Hương	24/10/2000		8	Tám	C21QT1	
12	1910100037	Phan Thị Phương Huỳnh	23/08/2000		6	Sáu	C21QT1	
13	1910100056	Đào Đăng Khoa	10/11/2001		7	Bảy	C21QT2	
14	1910100073	Nguyễn Lâm Tuấn Kiệt	10/05/2001		7.6	Bảy, sáu	C21QT2	
15	1910100070	Phan Thị Mỹ Lệ	02/11/1999		8.2	Tám, hai	C21QT2	
16	1910100060	Tô Thùy Linh	25/04/2001		5.6	Năm, sáu	C21QT2	
17	1910100008	Nguyễn Thị Mỹ Linh	22/04/1997		7	Bảy	C21QT1	
18	1910010031	Nguyễn Thành Lộc	11/02/2001		4.6	Bốn, sáu	C21QT2	
19	1910100053	Huỳnh Thị Mai	02/12/2000		5.6	Năm, sáu	C21QT2	
20	1910100045	Huỳnh Tiểu Mẫn	05/08/2001		8.8	Tám, tám	C21QT2	
21	1910100040	Đào Hồng Minh	25/11/2001		8	Tám	C21QT1	

Số sinh viên dự thi: 21 **Số sinh viên đạt: 21**

Ngày 10 tháng 6 năm 2020
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 10 tháng 6 năm 2020
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Duy Linh.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2019-2020

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014
Mã lớp học phần: MH110901401 **Số tín chỉ: 4**
Giảng viên giảng dạy: Trần Duy Lâm
Ngày thi: 10/06/2020 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 2**

Giám thị 1: Nguyễn Tiến Dũng Ký tên:
Giám thị 2: Châu Lê Sơn Ký tên:
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910100071	Nguyễn Thị Kim	**Anh**	21/02/1999					C21QT2	
2	1910100043	Vũ Thị Kim	**Ánh**	08/03/2001					C21QT2	
3	1910100024	Bùi Thị Bích	**Châu**	07/08/2000					C21QT1	
4	1910100022	Nguyễn Quách Minh	**Châu**	04/09/2001					C21QT1	
5	1910100009	Trà Thái	**Châu**	24/11/2001					C21QT1	
6	1910100023	Trịnh Đặng Minh	**Châu**	17/09/2000					C21QT1	
7	1910100065	Trần Thị Trúc	**Đào**	19/10/2001					C21QT2	
8	1910100072	Ngô Gia	**Hân**	11/12/1997					C21QT2	
9	1910100047	Trương Phúc	**Hậu**	13/03/2001					C21QT2	
10	1910100037	Phan Thị Phương	**Huỳnh**	23/08/2000					C21QT1	
11	1910100017	Nguyễn Dịu Quỳnh	**Hương**	24/10/2000					C21QT1	
12	1910100031	Trần Thị Trúc	**Hương**	17/10/2000					C21QT1	
13	1910100056	Đào Đăng	**Khoa**	10/11/2001					C21QT2	
14	1910100073	Nguyễn Lâm Tấn	**Kiệt**	10/05/2001					C21QT2	
15	1910100070	Phan Thị Mỹ	**Lệ**	02/11/1999					C21QT2	
16	1910100008	Nguyễn Thị Mỹ	**Linh**	22/04/1997					C21QT1	
17	1910100060	Tô Thùy	**Linh**	25/04/2001					C21QT2	
18	1910010031	Nguyễn Thành	**Lộc**	11/02/2001					C21QT2	
19	1910100053	Huỳnh Thị	**Mai**	02/12/2000					C21QT2	
20	1910100045	Huỳnh Tiểu	**Mẫn**	05/08/2001					C21QT2	
21	1910100040	Đào Hồng	**Minh**	25/11/2001					C21QT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 21 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 21 / _____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____%

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày. 10 tháng 6 năm 2020
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Duy Lâm.